

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông báo số 63/TB-BQLDA ngày 10 / 6 /2020 của Ban quản lý DA ĐTXD&PTQĐ huyện Quảng Ninh)

TT	Đơn vị	Thửa đất số	Tờ BĐDC số	Diện tích (m2)	Giá đất khởi điểm (đồng)	Giá khách hàng đã trả (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)	Ghi chú
I	XÃ VẠN NINH			3.490,1	1.901.000.000		300.000.000	1.200.000	Giao theo giá khởi điểm
1	Thôn Tây	643	14	359,3	180.000.000		30.000.000	100.000	
2	Thôn Tây	644	14	332,5	166.000.000		30.000.000	100.000	
3	Thôn Tây	645	14	342,3	171.000.000		30.000.000	100.000	
4	Thôn Tây	646	14	345,8	173.000.000		30.000.000	100.000	
5	Thôn Tây	647	14	353,3	177.000.000		30.000.000	100.000	
6	Thôn Tây	648	14	375,1	188.000.000		30.000.000	100.000	
7	Thôn Áng Sơn	351	25	309,2	189.000.000		30.000.000	100.000	
8	Thôn Áng Sơn	352	25	303,0	186.000.000		30.000.000	100.000	
9	Thôn Áng Sơn	353	25	336,8	206.000.000		30.000.000	200.000	
10	Thôn Áng Sơn	354	25	432,8	265.000.000		30.000.000	200.000	
II	XÃ LƯƠNG NINH			322,0	675.000.000	815.000.000	130.000.000	500.000	Giao theo giá đã trả
1	Thôn Phú Cát	79	18	322,0	675.000.000	815.000.000	130.000.000	500.000	
III	XÃ VĨ NINH			3.074,8	7.473.000.000	8.348.509.000	1.410.000.000	3.600.000	Giao theo giá đã trả
1	Thôn Thượng Hậu	1443	16	200,0	520.000.000	556.000.000	90.000.000	500.000	
2	Thôn Thượng Hậu	1453	16	200,0	468.000.000	521.900.000	90.000.000	200.000	
3	Thôn Thượng Hậu	1454	16	200,0	468.000.000	539.000.000	90.000.000	200.000	

Che